

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1136 /SLĐTBXH - BTXH
V/v góp ý điều chỉnh mẫu phiếu
rà soát hộ nghèo định kỳ năm 2018.

Bình Phước, ngày 09 tháng 8 năm 2018

Kính gửi: Phòng Lao động – TB&XH các huyện, thị xã
(Phòng Nội vụ - Lao động Thương binh Xã hội)

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020,

Theo đó, tại phụ lục số 3d, Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH đã quy định: « Các địa phương căn cứ trên thực trạng địa bàn có thể sử dụng mẫu phiếu của các vùng khác có các đặc điểm, điều kiện tương đương, bổ sung thêm các đặc trưng của địa bàn để thực hiện rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn cho phù hợp ».

Trên cơ sở tiếp thu phản ánh của các địa phương về tính bất cập của bộ công cụ rà soát hộ nghèo hằng năm, căn cứ trên tình hình thực tế của địa phương, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tham mưu điều chỉnh một số nội dung trong các phiếu điều tra (Phiếu A, Phiếu B, Phụ lục 2e). Các biểu, phụ lục khác vẫn áp dụng theo quy định Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH và các văn bản sửa đổi, thay thế (nếu có).

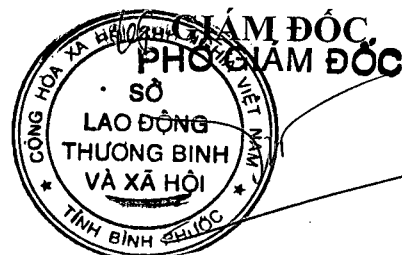
Để kịp thời tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2018, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã (Phòng Nội vụ - LĐXH) nghiên cứu, cho ý kiến về nội dung điều chỉnh.

Văn bản góp ý gửi về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày 15/8/2018 để tổng hợp trình UBND tỉnh.

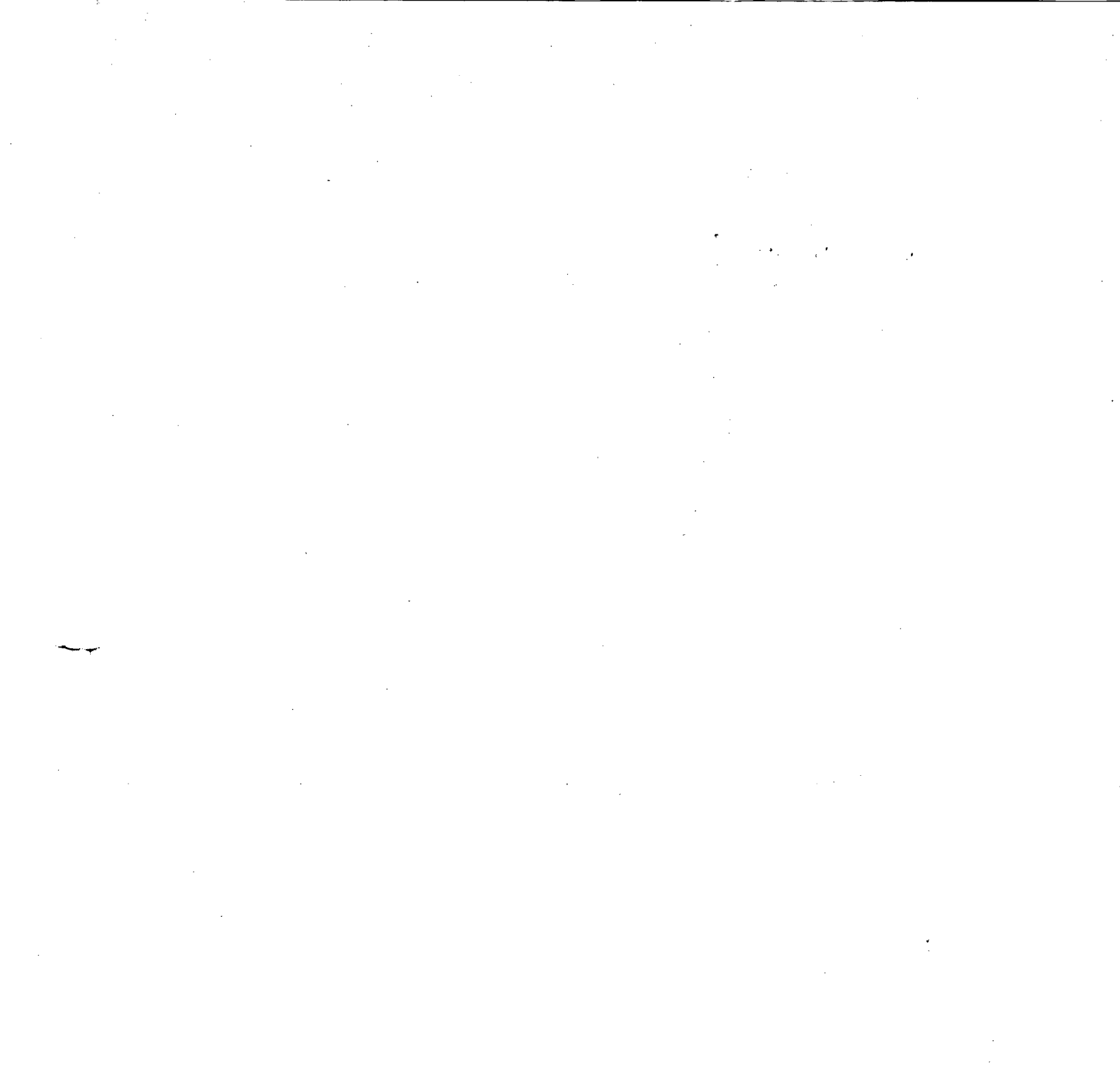
(Phiếu A, Phiếu B, Phụ lục 2e đã sửa đổi đính kèm).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, GN (HT-02).



Phạm Thị Mai Hương



PHIẾU A - NHẬN DẠNG NHANH HỘ GIA ĐÌNH

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH THỰC HIỆN NHẬN DẠNG NHANH

Tờ số/.....

TỈNH/THÀNH PHỐ

XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN.....

HUYỆN/THỊ XÃ.....

THÔN/ẤP.KHU PHỐ.....

STT	Họ và tên chủ hộ	Ngày đăng ký rà soát	Hộ có thu nhập bình quần bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình (1,500,000 đồng ở khu vực nông thôn; 1,950,000 đồng ở khu vực thành thị)	Có xe máy trị giá trên 20 triệu đồng/tàu/ ghe thuyền có động cơ	Có điều hòa/ tủ lạnh	Có máy giặt/ bếp ga	Có rẫy, vườn canh tác diện tích từ 2 hecta trở lên	Có đất đai/ nhà/xưởng/ tài sản/ máy móc cho thuê	Tiêu thu điện từ 100 KW/tháng trở lên	Diện tích ở bình quân đầu người từ 30 m2 trở lên	Có ít nhất một người là công chức/ viên chức hoặc có lương hưu/trợ cấp người có công	Có ít nhất một người đang làm việc có bằng từ Cao đẳng trở lên	Hộ không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo	Hộ có khả năng nghèo, cận nghèo	Xác nhân của hộ gia đình
			Hộ có đánh dấu x vào cột 0 hoặc hộ có từ 03 điều kiện trở lên (từ cột 1 đến cột 9) thì xác định không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo. Không cần rà soát tiếp. Hộ có dưới 3 điều kiện (Cột 1 đến Cột 9): đánh dấu x tại cột tương ứng xác định là nhóm hộ có khả năng nghèo, cận nghèo, tiến hành rà soát tiếp. Lưu ý: Hộ đánh dấu x vào cột 0 thì không cần rà soát cột 1 đến cột 9												
A	B	C	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	D	E	G
1															
2															
3															
4															
5															
6															
7															
8															
...															
...															

Tổng cộng: có hộ thuộc danh sách nhận dạng nhanh, trong đó:
 + Có hộ không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo;
 + Có hộ có khả năng nghèo, cận nghèo (Cột E), đưa vào danh sách tiếp tục rà soát theo mẫu Phiếu B.

Người tổng hợp
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm.....
 Ủy ban nhân dân cấp xã
(Ký, họ tên, đóng dấu)



PL3b.1. PHIẾU RÀ SOÁT XÁC ĐỊNH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO KHU VỰC THÀNH THỊ

TỈNH..... XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN.....
 HUYỆN/THỊ XÃ THÔN/ÁP/KP.....
 HỌ VÀ TÊN CHỦ HỘ:..... Mã hộ

Phân loại hộ trước thời điểm rà soát, là:

Hộ nghèo Hộ cận nghèo Hộ không nghèo

B1. CHỈ TIÊU ƯỚC TÍNH THU NHẬP CỦA HỘ

STT	ĐẶC TRƯNG HỘ	TRA LỜI (đánh dấu x)	MỨC ĐIỂM	ĐIỂM
1	Số nhân khẩu trong hộ; không tính điểm với những hộ chỉ gồm trẻ em dưới 15 tuổi, người trên 60 tuổi, người khuyết tật/bệnh nặng không có khả năng lao động			
	Hộ có 1 người		80	
	Hộ có 2 người		55	
	Hộ có 3 người		40	
	Hộ có 4 người		25	
	Hộ có 5 người		20	
	Hộ có 6 người		10	
2	Số trẻ em dưới 15 tuổi, người trên 60 tuổi, người khuyết tật/bệnh nặng không có khả năng lao động			
	Không có người nào		15	
	Chỉ có 1 người		5	
3	Bằng cấp cao nhất của thành viên hộ gia đình			
	Có bằng cao đẳng trở lên		15	
	Có bằng trung cấp nghề hoặc trung học chuyên nghiệp		0	
	Có bằng trung học phổ thông		0	
4	Hộ có ít nhất 1 người đang làm việc phi nông nghiệp (làm việc từ 3 tháng trở lên trong 12 tháng qua)			
	Công chức, viên chức trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước		10	
	Việc làm phi nông nghiệp khác		5	
5	Lương hưu			
	Có 1 người đang hưởng lương hưu		5	
	Có từ 2 người đang hưởng lương hưu trở lên		15	
6	Nhà ở			
	Vật liệu chính của tường nhà là bê tông; gạch/đá; xi măng; gỗ bèn ch		10	
	Vật liệu chính của cột nhà là bê tông cốt thép; gạch/đá; sắt/thép/gỗ bèn chắc		0	



B2. CHỈ TIÊU VỀ CÁC NHU CẦU XÃ HỘI CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	TRẢ LỜI	ĐIỂM	GHI CHÚ
(đánh dấu x vào câu trả lời có và cho 10 điểm)				
1	Giáo dục			
1,1	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 15 đến dưới 30 tuổi không tốt nghiệp trung học cơ sở và hiện không đi học			Không tính các trường hợp khuyết tật nặng trở lên hoặc đang bị bệnh/chấn thương nặng, đang chữa bệnh bắt buộc phải nghỉ học
1,2	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 5 đến dưới 15 tuổi hiện không đi học			
2	Y tế			
2,1	Hộ gia đình có người bị ốm đau nhưng không đi khám chữa bệnh trong vòng 12 tháng qua			Ôm đau được xác định là bị bệnh/chấn thương nặng đến mức phải nằm một chỗ và phải có người chăm sóc tại giường hoặc nghỉ việc/học, không tham gia được các hoạt động bình thường
2,2	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 6 tuổi trở lên không có BHYT			Không tính BHYT cho hộ nghèo/cận nghèo
3	Nhà ở			
3,1	Hộ gia đình đang ở trong nhà thiếu kiên cố hoặc nhà đơn sơ			
3,2	Diện tích nhà ở bình quân dưới 8m ² /người			Câu 7 Mục B1
4	Nước sạch và vệ sinh			
4,1	Hộ gia đình không được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh			Câu 9 Mục B1
4,2	Hộ gia đình không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh			Câu 10 Mục B1
5	Tiếp cận thông tin			
5,1	Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet			
5,2	Hộ gia đình không có ti vi, radio, máy tính; và không nghe được hệ thống loa đài truyền thanh xã/thôn			Câu 11 Mục B1
Tổng điểm B2				

PHÂN LOẠI HỘ GIA ĐÌNH

Tổng điểm B1

Tổng điểm B2

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Dưới 140 điểm	Hộ nghèo (N1) <input type="checkbox"/>	
Trên 140 điểm đến 175 điểm	Hộ nghèo (N2) <input type="checkbox"/>	Hộ cận nghèo (CN) <input type="checkbox"/>
Trên 175 điểm	Hộ không nghèo (KN) <input type="checkbox"/>	

Hộ gia đình
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ điều tra
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phụ lục số 3b (Phiếu B)

**PL3b.2. PHIẾU RÀ SOÁT XÁC ĐỊNH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO KHU VỰC NÔNG THÔN
Vùng Đông Nam Bộ (NT5)**

TỈNH/TP.....

PHƯỜNG.....

QUẬN/THỊ XÃ

TỔ.....

HỌ VÀ TÊN CHỦ HỘ:..... Mã hộ

Phân loại hộ trước thời điểm rà soát, là:

Hộ nghèo

Hộ cận nghèo

Hộ không nghèo

B1. CHỈ TIÊU ƯỚC TÍNH THU NHẬP CỦA HỘ

STT	ĐẶC TRƯNG HỘ	TRẢ LỜI (đánh dấu x)	MỨC ĐIỂM	ĐIỂM
1	Số nhân khẩu trong hộ; không tính điểm với những hộ chỉ gồm trẻ em dưới 15 tuổi, người trên 60 tuổi, người khuyết tật/bệnh nặng không có khả năng lao động			
	Hộ có 1 người		70	
	Hộ có 2 người		55	
	Hộ có 3 người		45	
	Hộ có 4 người		30	
	Hộ có 5 người		20	
	Hộ có 6 người		10	
2	Số trẻ em dưới 15 tuổi, người trên 60 tuổi, người khuyết tật/bệnh nặng không có khả năng lao động			
	Không có người nào		20	
	Chỉ có 1 người		5	
3	Bằng cấp cao nhất của thành viên hộ gia đình			
	Có bằng cao đẳng trở lên		20	
	Có bằng trung cấp nghề hoặc trung học chuyên nghiệp		15	
	Có bằng trung học phổ thông		10	
4	Hộ có ít nhất 1 người đang làm việc phi nông nghiệp (làm việc từ 3 tháng trở lên trong 12 tháng qua)			
	Công chức, viên chức trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước		25	
	Việc làm phi nông nghiệp khác		5	
5	Lương hưu			
	Có 1 người đang hưởng lương hưu		15	
	Có từ 2 người đang hưởng lương hưu trở lên		25	
6	Nhà ở			
	Vật liệu chính của tường nhà là bê tông; gạch/đá; xi măng; gỗ bền ch		0	
	Vật liệu chính của cột nhà là bê tông cốt thép; gạch/đá; sắt/thép/gỗ <input type="checkbox"/>		10	



B2. CHỈ TIÊU VỀ CÁC NHU CẦU XÃ HỘI CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	TRẢ LỜI	ĐIỂM	GHI CHÚ
	(đánh dấu x vào câu trả lời có và cho 10 điểm)			
1 Giáo dục				
1,1	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 15 đến dưới 30 tuổi không tốt nghiệp trung học cơ sở và hiện không đi học			Không tính các trường hợp khuyết tật nặng trở lên hoặc đang bị bệnh/chấn thương nặng, đang chữa bệnh bắt buộc phải nghỉ học
1,2	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 5 đến dưới 15 tuổi hiện không đi học			
2 Y tế				
2,1	Hộ gia đình có người bị ốm đau nhưng không đi khám chữa bệnh trong vòng 12 tháng qua			Ôm đau được xác định là bị bệnh/chấn thương nặng đến mức phải nằm một chỗ và phải có người chăm sóc tại giường hoặc nghỉ việc/học, không tham gia được các hoạt động bình thường
2,2	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 6 tuổi trở lên không có BHYT			Không tính BHYT cho hộ nghèo/cận nghèo
3 Nhà ở				
3,1	Hộ gia đình đang ở trong nhà thiếu kiên cố hoặc nhà đơn sơ			Câu 7 Mục B1
3,2	Diện tích nhà ở bình quân dưới 8m ² /người			
4 Nước sạch và vệ sinh				
4,1	Hộ gia đình không được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh			Câu 9 Mục B1 Câu 10 Mục B1
4,2	Hộ gia đình không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh			
5 Tiếp cận thông tin				
5,1	Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet			Câu 11 Mục B1
5,2	Hộ gia đình không có ti vi, radio, máy tính; và không nghe được hệ thống loa đài truyền thanh xã/thôn			
Tổng điểm B2				

PHÂN LOẠI HỘ GIA ĐÌNH

Tổng điểm B1

Tổng điểm B2

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
Dưới 120 điểm	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Trên 120 điểm đến 150 điểm	Hộ nghèo (N1) <input type="checkbox"/>	Hộ cận nghèo (CN) <input type="checkbox"/>
Trên 150 điểm	Hộ nghèo (N2) <input type="checkbox"/>	Hộ không nghèo (KN) <input type="checkbox"/>

Hộ gia đình
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ điều tra
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phụ lục số 2e (mặt trước)

UBND XÃ/ PHƯỜNG/
THỊ TRẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/GCN-HN.HCN, ngày tháng năm 20.....

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn chứng nhận:

Hộ gia đình ông/bà: Dân tộc:

CMTND (CCCD) số: Cấp ngày

Nơi cấp

Hộ khẩu thường trú tại:

.....

Danh sách các thành viên trong hộ gia đình:

STT	Họ và tên	Dân tộc	Quan hệ với chủ hộ	Năm sinh		Ghi chú (trường hợp gia đình có sự thay đổi các thành viên trong hộ)
				Nam	Nữ	
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						

Phụ lục số 2e (mặt sau)

Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2018-2020 của hộ gia đình

NĂM 2018		ngày tháng năm 201... Xác nhận của Chủ tịch UBND xã/phường/thị trấn (ký tên, đóng dấu)									
<input type="checkbox"/> N1	Các chỉ số thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình										
<input type="checkbox"/> N2	<table border="1"> <tr> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>3</td> <td>5</td> <td>7</td> <td>9</td> </tr> </table>		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1	3	5	7
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>							
1	3	5	7	9							
<input type="checkbox"/> CN	<table border="1"> <tr> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>4</td> <td>6</td> <td>8</td> <td>10</td> </tr> </table>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2	4	6	8	10
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>							
2	4	6	8	10							
NĂM 2019		ngày tháng năm 201... Xác nhận của Chủ tịch UBND xã/phường/thị trấn (ký tên, đóng dấu)									
<input type="checkbox"/> N1	Các chỉ số thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình										
<input type="checkbox"/> N2	<table border="1"> <tr> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>3</td> <td>5</td> <td>7</td> <td>9</td> </tr> </table>		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1	3	5	7
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>							
1	3	5	7	9							
<input type="checkbox"/> CN	<table border="1"> <tr> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>4</td> <td>6</td> <td>8</td> <td>10</td> </tr> </table>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2	4	6	8	10
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>							
2	4	6	8	10							
NĂM 2020		ngày tháng năm 201... Xác nhận của Chủ tịch UBND xã/phường/thị trấn (ký tên, đóng dấu)									
<input type="checkbox"/> N1	Các chỉ số thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình										
<input type="checkbox"/> N2	<table border="1"> <tr> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>3</td> <td>5</td> <td>7</td> <td>9</td> </tr> </table>		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1	3	5	7
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>							
1	3	5	7	9							
<input type="checkbox"/> CN	<table border="1"> <tr> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>4</td> <td>6</td> <td>8</td> <td>10</td> </tr> </table>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2	4	6	8	10
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>							
2	4	6	8	10							
<p>N1: Hộ nghèo về thu nhập; N2: Hộ nghèo thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; CN: Hộ cận nghèo; 1: Tiếp cận dịch vụ y tế; 2: Bảo hiểm y tế; 3: Trình độ giáo dục người lớn; 4: Tình trạng đi học của trẻ em; 5: Chất lượng nhà ở; 6: Diện tích nhà ở; 7: Nguồn nước sinh hoạt; 8: Hồ xí/nhà tiêu hợp vệ sinh; 9: Sử dụng dịch vụ viễn thông; 10: Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin</p>											

NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý:

- Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo được cấp 01 lần duy nhất trong giai đoạn 2018-2020 cho hộ gia đình làm căn cứ xác định những người có tên trên giấy được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm ký tên, đóng dấu xác nhận chung vào GCN cho cả giai đoạn; hằng năm ký tên, đóng dấu xác nhận phân loại hộ gia đình (ghi rõ ngày, tháng, năm xác nhận) vào các ô Hộ nghèo, Hộ cận nghèo trong năm thực hiện dựa trên kết quả điều tra, rà soát trên địa bàn để làm cơ sở thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo trong năm.
- Trường hợp hộ gia đình có thay đổi về thành viên, cần sửa đổi, bổ sung để thụ hưởng chính sách giảm nghèo, địa phương xem xét cấp đổi GCN mới cho hộ gia đình và thu lại GCN cũ để lưu hồ sơ quản lý.
- Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phải được bảo quản cẩn thận để tránh hư hỏng, rách nát hoặc bị mất. Trường hợp bị hư hỏng, rách nát hoặc bị mất thì được xem xét cấp đổi lại dựa trên cơ sở danh sách, dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý./.

